

Bản án số: **40** /2020/ DS-ST

Ngày 05/11/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Nguyễn Quang Vinh ;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Huyền - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/DS-ST ngày 19 tháng 08 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐST-DSST ngày 06/10/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 104/QĐ-DSTC ngày 22/10/2020 giữa:

+ **Nguyên đơn** Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Bến L , xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Xin vắng mặt).

+ **Bị đơn**: Anh L Ngọc T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố S , thị trấn K p, huyện C

Chị Vũ Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố S , thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Đức Th trình bày: Ông và anh T, chị L có quen biết nhau, chị L có kinh doanh quần áo và mở cửa hàng làm đẹp tại gia đình, anh T là quân nhân, nên khi chị L, anh T đặt vấn đề vay tiền để làm ăn thì ông có cho chị L anh T vay số tiền 64.000.000đồng vào ngày 15/05/2019, khi vay thỏa thuận ngày trả là ngày 05/07/2019, không thỏa thuận lãi xuất trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng là 1%/ tháng, mục đích vay để kinh doanh cho gia đình, khi vay tiền thì vợ chồng anh T cùng đặt vấn đề vay tiền, nhận tiền cùng ký viết giấy vay tiền. Khi vay có để lại 01 chứng minh thư quân đội để làm tin, hiện nay ông biết anh T đã ra quân, anh T lấy lại chứng minh thư thì ông sẽ trả lại và không đề nghị xem xét về chứng minh thư của anh T. Quá trình vay tiền thì ngày 05/07/2019 ông có đến đòi tiền thì anh T chị L không trả, ông có nhiều lần đến đòi tiền nhưng vợ chồng anh T, chị L

đều nói vài hôm nữa sẽ trả. Từ đó đến nay ông có nhiều lần đến đòi tiền nhưng anh T, chị L không trả cho ông như thỏa thuận. Nay ông đề nghị Tòa án buộc chị L, anh T trả ông tiền nợ gốc và lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi xuất 1%/ tháng.

* Bị đơn chị anh L Ngọc T và chị Vũ Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, quyết định của Tòa án nhưng anh T, chị L không có bản tự khai và không đến Tòa án làm việc.

Tòa án có đi xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin: Chị L, anh T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn K , gần đây gia đình anh T đóng cửa, không có ai ở nhà, khoảng 01 đến 02 tuần chị L mới về qua nhà, anh T khoảng 01 tháng nay không thấy về gia đình. Chị L, anh T đi đâu và làm gì địa phương không nắm được vì không khai báo tạm vắng tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng chị L, anh T không có mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 22/10/2020 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa do anh T, chị L vắng mặt lần 1 không có lý do và mở lại vào ngày 05/11/2020.

Tại phiên tòa ngày 05/11/2020 ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt và có trình bày trong đơn: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nay ông đề nghị vợ chồng anh T phải trả ông 64.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi xuất 10%/ năm đối với khoản tiền vay.

Bị đơn anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn anh T, chị L từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chưa thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Th: Buộc anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L phải trả cho ông Nguyễn Đức Th số tiền **76.317.000đồng** (Bảy mươi sáu triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng), trong đó tiền gốc 64.000.000đồng, tiền lãi 12.317.000đồng.

Về án phí: Anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L, ông Nguyễn Đức Th theo quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa ông Nguyễn Đức Th và anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Ngày 15/05/2019 anh L Ngọc T có viết giấy vay tiền của ông Nguyễn Đức Th số tiền 64.000.000đồng, chị Vũ Thị L ký xác nhận sẽ cùng anh T có trách nhiệm trả cho ông Th vào ngày 05/07/2019 khi viết giấy các bên có thỏa thuận ngày trả 05/07/2019, không thỏa thuận lãi xuất, đến ngày 19/08/2020 ông Th nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu vợ chồng chị L, anh T phải trả số tiền 64.000.000đồng và tiền lãi theo lãi xuất 1%/ tháng kể từ ngày viết giấy nhận nợ. Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: 15/05/2019 anh L Ngọc T có viết giấy vay tiền của ông Nguyễn Đức Th số tiền 64.000.000đồng, chị Vũ Thị L ký xác nhận sẽ cùng anh T có trách nhiệm trả cho ông Th vào ngày 05/07/2019, chị L và anh T đều ký nhận vào giấy nhận nợ. Tòa án có nhiều lần báo gọi vợ chồng chị L đến Tòa án nhưng chị L không có mặt nên không có lời khai nào tại Tòa án, tuy nhiên ông Th đã nộp cho Tòa án 01 giấy vay tiền chị L và anh T là người viết và ký nhận, ngày 26/10/2020 Tòa án đã trực tiếp giao cho anh T, chị L quyết định hoãn phiên tòa vụ án ông Nguyễn Đức Th yêu cầu anh T, chị L phải trả số tiền 64.000.000đồng vợ chồng anh T có nhận biên bản và không có ý kiến gì. Như vậy có thể khẳng định việc vợ chồng chị L, anh T có nợ ông Th số tiền 64.000.000đồng và ông Th yêu cầu vợ chồng chị L, anh T phải trả tiền nợ gốc là có căn cứ được chấp nhận phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự.

[5]. Về lãi xuất trong quá trình giải quyết vụ án ông Th yêu cầu chị L, anh T phải thanh toán cho ông theo lãi xuất 1%/ tháng, tại phiên tòa ông Th yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với khoản tiền vay thì thấy, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi xuất, nhưng ông Th có trình bày các bên có thỏa thuận miệng, tại giấy vay tiền anh T hẹn trả nợ ông Th vào 05/07/2019 như vậy đây là trường hợp các bên có thỏa thuận lãi xuất nhưng không xác định rõ lãi xuất thì lãi xuất sẽ được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, tại phiên tòa ông Th yêu cầu tính lãi theo lãi xuất 10%/ năm đối với khoản tiền vay nên chấp nhận tính theo lãi xuất 10%/ năm như ông Th yêu cầu.

- Số tiền 64.000.000đồng ngày vay là 15/5/ 2019 đến khi xét xử sơ thẩm (05/11/2020) là 17 tháng, 20 ngày.

Số tiền 64.000.000đồng x lãi xuất 10%/ năm x 17 tháng, 20 ngày = 12.317.000đồng tiền lãi .

Tổng số tiền gốc và lãi chị L, anh T phải thanh toán trả ông Th là: **76.317.000đồng** .

[5]. Về án phí: Chị L, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Ông Nguyễn Đức Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 184; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[2]. Xử: Buộc anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L phải trả cho ông Nguyễn Đức Th số tiền **76.317.000đồng** (Bảy mươi sáu triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng), trong đó tiền gốc 64.000.000đồng, tiền lãi 12.317.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí: Anh L Ngọc T, chị Vũ Thị L phải chịu 3.815.800đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Đức Th không phải chịu án án. Hoàn trả ông Th số tiền 1.600.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/002502 ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự.
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Lê Thu Hà

